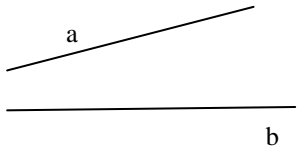
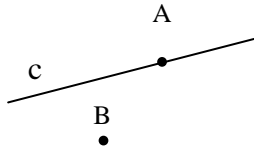
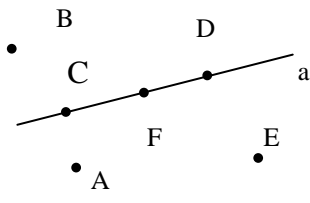
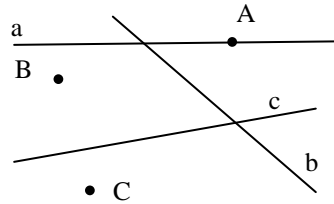




HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
- GV giới thiệu 2 điểm phân biệt, 2 điểm trùng nhau. - GV đưa ra quy ước và chú ý.	- HS ghi bài	* Quy ước: Nói hai điểm mà không nói gì thêm thì hiểu đó là hai điểm phân biệt. * Chú ý: Bất cứ hình nào cũng là các tập hợp điểm.
<b>Hoạt động 2: Giới thiệu về đường thẳng (15 ph)</b>		
- Ngoài điểm ra thì đường thẳng cũng là một hình cơ bản, không định nghĩa mà chỉ mô tả hình ảnh của nó bằng sợi chỉ căng thẳng, mép bàn, mép bảng... ❓ Làm như thế nào để vẽ được một đường thẳng? - GV giới thiệu cách vẽ một đường thẳng: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dùng bút chì vạch theo mép của thước thẳng.</li> <li>• Dùng chữ cái in thường đặt tên cho đường thẳng.</li> </ul> - GV vẽ hình trên bảng ❓ Gọi một HS lên bảng kéo dài các đường thẳng về hai phía ta có nhận xét gì? ❓ Mỗi đường thẳng xác định có bao nhiêu điểm thuộc nó?	- HS ghi bài  - HS vẽ hình vào trong vở  - Đường thẳng không giới hạn về 2 phía.  - Mỗi đường thẳng xác định có vô số điểm thuộc nó.	<b>2. ĐƯỜNG THẲNG:</b>  - Dùng chữ in thường a, b, c... để đặt tên cho một đường thẳng. - Hai đường thẳng khác nhau có hai tên khác nhau.   * <b>Nhận xét:</b> Đường thẳng không bị giới hạn về hai phía.
<b>Hoạt động 3: Quan hệ giữa điểm và đường thẳng (7 ph)</b>		
❓ Quan sát H4/ 104 SGK, hãy cho biết điểm nằm trên, không trên đường thẳng d? - GV giới thiệu kí hiệu $\in$ ; $\notin$	- HS: điểm A nằm trên đường thẳng d; B không nằm trên đường thẳng d.	<b>3. ĐIỂM THUỘC ĐƯỜNG THẲNG. ĐIỂM KHÔNG THUỘC ĐƯỜNG THẲNG:</b>   - Điểm A thuộc đường thẳng c, kí hiệu $B \in c$ . - Điểm B không thuộc đường thẳng c, kí hiệu $B \notin c$ .

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>* <b>Củng cố: 2/104 SGK</b></p> <p>- Quan sát hình vẽ, ta thấy với một đường thẳng bất kì, có những điểm thuộc và không thuộc đường thẳng đó.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài</p>	<p><b>2</b></p> <p>a)</p> <p>- Điểm C thuộc đường thẳng a. - Điểm E không thuộc đường thẳng a.</p> <p>b) <math>C \in a; E \notin a</math>.</p> <p>c)</p>  <p>* <b>Nhận xét:</b></p> <p>Với một đường thẳng bất kì, có những điểm thuộc đường thẳng đó và có những điểm không thuộc đường thẳng đó.</p>
<b>Hoạt động 4: Củng cố (10 ph)</b>		
<p>- Yêu cầu HS làm bài 2/ 104 SGK.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 3/ 104 SGK. (HS thảo luận theo nhóm, làm bài vào giấy và nộp lại cho GV)</p> <p>☞ Gợi ý: HS quát sát hình 7 trang 104 SGK, cho biết trong hình có mấy điểm và mấy đường thẳng. Gọi tên các điểm và các đường thẳng đó?</p> <p>- GV gọi HS đại diện 3 nhóm lên bảng làm bài, HS các nhóm khác theo dõi và nhận xét nhóm bạn.</p> <p>- GV nhận xét và cho điểm.</p>	<p>- Có 4 điểm: A, B, C, D và có 4 đường thẳng: m, n, p, q.</p> <p>- HS hoạt động theo nhóm và đại diện nhóm lên bảng sửa bài.</p>	<p>* <b>Bài 2/ 104 SGK</b></p>  <p>* <b>Bài 3/ 104 SGK</b></p> <p>a) Điểm A thuộc đường thẳng n và q. Kí hiệu: <math>a \in n; a \in q</math>. Điểm B thuộc đường thẳng m, n, p. Kí hiệu: <math>B \in m; B \in n; B \in p</math>.</p> <p>b) <math>B \in m; B \in n; B \in p</math> <math>C \in m; C \in q</math>.</p> <p>c) <math>D \in q</math> <math>D \notin m; D \notin n; D \notin p</math></p>

**3. Dẫn dò: (3 ph)**

- Hướng dẫn BTVN 4, 5, 6, 7/ 105 SGK.
- Xem trước bài “Ba điểm thẳng hàng”.

## §2. BA ĐIỂM THẲNG HÀNG

### I. Mục tiêu:

- HS nắm được ba điểm thẳng hàng, không thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm.
- HS vẽ được ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng, điểm nằm giữa hai điểm.
- HS biết sử dụng thuật ngữ nằm cùng phía, nằm khác phía, nằm giữa.
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi vẽ hình.

### II. Chuẩn bị:

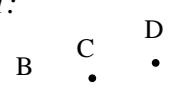
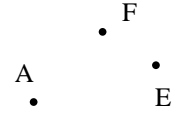
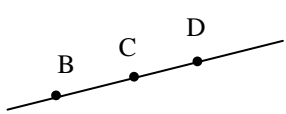
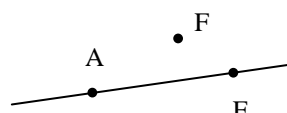
- GV: Bảng phụ, thước thẳng, phấn màu
- HS: Bảng nhóm, thước thẳng, SGK.

### III. Các hoạt động dạy học:

#### 1. Kiểm tra bài cũ: (5 ph)

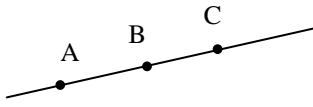
- Vẽ điểm M, đường thẳng b sao cho  $M \notin b$ .
- Vẽ đường thẳng a, điểm A sao cho  $M \in a$ ;  $A \in b$ ;  $A \in a$ .
- Vẽ điểm N  $\in a$  và  $N \notin b$ .
- Hình vẽ có đặc điểm gì?

#### 2. Bài mới: Ba điểm thẳng hàng là ba điểm như thế nào?

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 1: Thế nào là ba điểm thẳng hàng (15 ph)</b>		
<p>- GV treo bảng phụ</p> <div style="border: 1px dashed black; padding: 10px; margin: 10px 0;"> <p>Hình 1:</p>  <p>Hình 2:</p>  </div> <p>- Hình 1: Điểm B; C; D là ba điểm thẳng hàng.</p> <p>- Hình 2: Điểm A; E; F là ba điểm không thẳng hàng.</p> <p><b>?</b> Vậy thế nào là ba điểm thẳng hàng?</p>	<p>- HS quan sát hình vẽ</p> <p>- HS chú ý nghe giảng.</p> <p>- Ba điểm thẳng hàng là ba điểm cùng thuộc một đường thẳng.</p>	<p><b><u>1. THẾ NÀO LÀ BA ĐIỂM THẲNG HÀNG?</u></b></p>  <p>Ba điểm B, C, D thẳng hàng.</p>  <p>Ba điểm A, E, F không thẳng hàng.</p> <p>- Ba điểm thẳng hàng là ba điểm cùng thuộc một đường thẳng.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p><b>?</b> Nhìn vào hình 8 SGK trang 105, em hãy cho biết ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.</p> <p><b>?</b> Để vẽ ba điểm thẳng hàng, vẽ ba điểm không thẳng hàng ta thực hiện như thế nào?</p> <p><b>?</b> Để nhận biết ba điểm cho trước có thẳng hàng hay không ta làm như thế nào?</p> <p>- GV hướng dẫn cách kiểm tra ba điểm thẳng hàng (dùng thước thẳng để giống).</p> <p><b>* Cũng cố:</b></p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 8/ 106 SGK. (HS trả lời tại vị trí chỗ ngồi)</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 9/ 106 SGK.</p> <p>☞ Gợi ý: Nhắc lại thế nào là ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng?</p>	<p>- Hình 8a: Ba điểm A, C, D là ba điểm thẳng hàng, vì nó cùng thuộc một đường thẳng.</p> <p>- Hình 8b: Ba điểm A, B, C là ba điểm không thẳng hàng, vì nó không cùng thuộc một đường thẳng.</p> <p>- Vẽ ba điểm thẳng hàng: ta vẽ đường thẳng trước, rồi lấy ba điểm thuộc đường thẳng đó.</p> <p>- Vẽ ba điểm không thẳng hàng: vẽ đường thẳng trước, rồi lấy 2 điểm thuộc đường thẳng và 1 điểm không thuộc đường thẳng.</p> <p>- HS suy nghĩ...</p> <p>- HS tiếp thu kiến thức của GV</p> <p>- Ba điểm A, M, N thẳng hàng.</p> <p>- HS trả lời...</p>	<p><b>* Cách vẽ:</b></p> <p>- Ba điểm thẳng hàng ta vẽ: đường thẳng trước, rồi lấy ba điểm thuộc đường thẳng đó.</p> <p>- Ba điểm không thẳng hàng ta vẽ: đường thẳng trước, rồi lấy hai điểm thuộc đường thẳng và một điểm không thuộc đường thẳng đó.</p> <p><b>* Bài 8/106 SGK</b> Ba điểm A, M, N thẳng hàng.</p> <p><b>* Bài 9/106 SGK</b></p> <p>a) Các bộ ba điểm thẳng hàng: (A, E, B); (D, E, G)</p> <p>b) Hai bộ ba không thẳng hàng: (B, E, D); (B, E, C)</p>

**Hoạt động 2: Quan hệ giữa ba điểm thẳng hàng (10 ph)**

<p>- GV giới thiệu cách mô tả vị trí tương đối của ba điểm thẳng hàng ở hình 9/106 SGK.</p> <p><b>?</b> Hình 9 có bao nhiêu điểm được biểu diễn? Có bao nhiêu điểm nằm giữa 2 điểm A; B?</p> <p><b>?</b> Trong ba điểm thẳng hàng có bao nhiêu điểm nằm giữa hai điểm còn lại?</p>	<p>- HS đứng tại vị trí chỗ ngồi đọc câu trả lời.</p> <p>- Trong ba điểm thẳng hàng có một điểm nằm giữa hai điểm còn lại.</p> <p>- HS đọc nhận xét</p>	<p><b>2. QUAN HỆ GIỮA BA ĐIỂM THẲNG HÀNG:</b></p>  <ul style="list-style-type: none"> <li>• A và B nằm cùng phía đối với C.</li> <li>• B và C nằm cùng phía đối với A.</li> <li>• A và C nằm khác phía đối với B.</li> <li>• B nằm giữa A và C.</li> </ul>
--	---	---

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- HS đọc nhận xét và GV ghi bảng.</p> <p>* <b>Lưu ý:</b> Trong ba điểm thẳng hàng, có một và chỉ một điểm nằm giữa hai điểm còn lại, ngược lại nếu biết một điểm nằm giữa hai điểm thì ba điểm ấy thẳng hàng.</p>	<p>- HS tiếp thu kiến thức.</p>	<p>* <b>Nhận xét:</b> Trong ba điểm thẳng hàng có một điểm nằm giữa hai điểm còn lại.</p> <p>* <b>Chú ý:</b> Nếu biết một điểm nằm giữa hai điểm thì ba điểm ấy thẳng hàng.</p>
<b>Hoạt động 3: Củng cố (12 ph)</b>		
<p>- Yêu cầu HS làm bài 11/ 107 SGK.</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 12/ 107 SGK.</p> <p>- GV nhận xét</p> <p>❓ Thế nào là ba điểm thẳng hàng?</p> <p>❓ Thế nào là ba điểm không thẳng hàng?</p> <p>❓ Để vẽ ba điểm thẳng hàng và ba điểm không thẳng hàng ta thực hiện như thế nào?</p> <p>❓ Trong ba điểm thẳng hàng có bao nhiêu điểm nằm giữa 2 điểm còn lại?</p> <p>❓ Nếu biết một điểm nằm giữa hai điểm còn lại thì ba điểm này như thế nào?</p>	<p>- HS đứng tại vị trí chỗ ngồi đọc câu trả lời.</p> <p>- HS lên bảng làm bài</p> <p>- Cùng thuộc một đường thẳng.</p> <p>- Không cùng thuộc một đường thẳng.</p> <p>- Vẽ đường thẳng, rồi lấy 3 điểm thuộc đường thẳng đó.</p> <p>- Vẽ đường thẳng, lấy 2 điểm thuộc đường thẳng và 1 điểm không thuộc đường thẳng.</p> <p>- Nếu biết một điểm nằm giữa hai điểm còn lại thì ba điểm này thẳng hàng.</p>	<p>* <b>Bài 11/ 107 SGK</b></p> <p>a) R b) Cùng phía.</p> <p>* <b>Bài 12/ 107 SGK</b></p> <p>a) N b) M c) N và P.</p>

### 3. Dặn dò: (3 ph)

- Học thuộc bài.
- BTVN 10, 13, 14 /106,107 SGK.
- Xem trước bài “Đường thẳng đi qua hai điểm”.

### §3. ĐƯỜNG THẲNG ĐI QUA HAI ĐIỂM

**I. Mục tiêu:**

- HS hiểu có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.
- HS biết vẽ đường thẳng đi qua hai điểm, đường thẳng cắt nhau, song song.
- Nắm vững vị trí tương đối của đường thẳng trên mặt phẳng.
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác của HS khi vẽ hình.

**II. Chuẩn bị:**

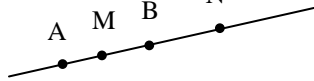
- GV: SGK, bảng phụ, thước thẳng, phấn màu.
- HS: SGK, thước thẳng.

**III. Các hoạt động dạy học:**

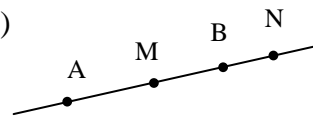
**1. Kiểm tra bài cũ: (5 ph)**

- HS1: Khi nào thì ba điểm A, B, C thẳng hàng, không thẳng hàng?
- HS2: Bài 13/ 107 SGK

Đáp án: a)



b)



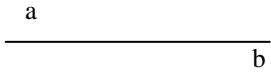
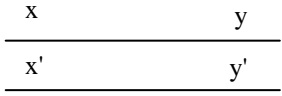
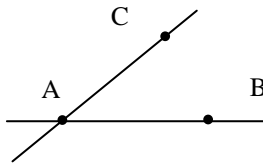
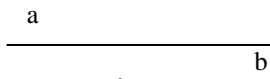
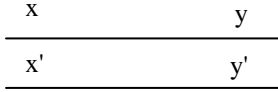
**2. Bài mới: Đường thẳng như thế nào là đường thẳng đi qua 2 điểm?**

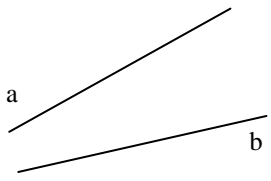
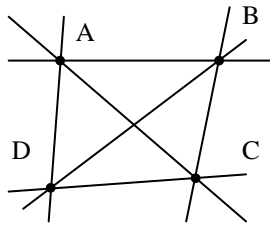
HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 1: Vẽ đường thẳng (4ph)</b>		
- GV yêu cầu HS đọc cách vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A và B trong SGK trang 107. ? Có thể vẽ được bao nhiêu đường thẳng đi qua hai điểm A và B? ? Có thể vẽ được bao nhiêu đường “không thẳng” đi qua hai điểm A và B? ⇨ Nhận xét: Có vô số đường “không thẳng” đi qua hai điểm A và B. Nhưng có một đường thẳng và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm A và B.	- HS đọc cách vẽ đường thẳng và ghi vào vở. - Có một đường thẳng đi qua hai điểm A và B. - Có vô số đường không thẳng đi qua hai điểm A và B. - HS ghi nhận xét	<b>1.VẼ ĐƯỜNG THẲNG:</b> - Cách vẽ đường thẳng đi qua hai điểm A và B: SGK/107 <div style="text-align: center;"> </div> * <b>Nhận xét:</b> - Có một đường thẳng và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm cho trước. Và có vô số đường “không thẳng” đi qua hai điểm đó.
<b>Hoạt động 2: Tên đường thẳng (6ph)</b>		
- GV yêu cầu HS đọc mục 2 (3phút), rồi cho biết có bao	- HS đọc rồi suy nghĩ trả lời	<b>2.TÊN ĐƯỜNG THẲNG:</b>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>nhiều cách đặt tên cho một đường thẳng?</p> <p>⇒ Kết luận: Có ba cách đặt tên cho một đường thẳng.</p>	<p>- HS chú ý nghe giảng và ghi bài vào vở.</p>	<p>- Có 3 cách đặt tên cho một đường thẳng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dùng một chữ cái in thường.</li> </ul> <p style="text-align: center;">a</p> <hr style="width: 100px; margin: auto;"/> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dùng hai chữ cái in hoa (tên hai điểm thuộc đường thẳng).</li> </ul> <p style="text-align: center;">A                      B</p> <hr style="width: 100px; margin: auto;"/> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dùng hai chữ cái in thường</li> </ul> <p style="text-align: center;">x                      y</p> <hr style="width: 100px; margin: auto;"/>

**Hoạt động 3: Đường thẳng trùng nhau, cắt nhau, song song (12 ph)**

<p>- Cho ba điểm A, B, C không thẳng hàng, vẽ hai đường thẳng AB, AC. (Gọi hai HS lên bảng thực hiện)</p> <p>❓ Hai đường thẳng AB, AC có mấy điểm chung? Gọi tên các điểm chung đó?</p> <p>- GV giới thiệu hai đường thẳng có một điểm chung như trên gọi là hai đường thẳng cắt nhau.</p> <p>❓ Vậy thế nào là hai đường thẳng cắt nhau?</p> <p>⇒ Kết luận: cho HS vẽ hình và ghi bài.</p>	<p>- HS1: Vẽ 3 điểm A, B, C không thẳng hàng</p> <p style="text-align: center;">C</p> <p style="text-align: center;">•</p> <p style="text-align: center;">A                      B</p> <hr style="width: 100px; margin: auto;"/> <p>- HS2: Vẽ tiếp đường thẳng còn lại</p> <p style="text-align: center;">C</p> <p style="text-align: center;">•</p> <p style="text-align: center;">A                      B</p> <hr style="width: 100px; margin: auto;"/> <p>- Hai đường thẳng AB, AC có một điểm A chung.</p> <p>- HS tiếp thu kiến thức</p> <p>- Hai đường thẳng có một điểm chung gọi là hai đường thẳng cắt nhau.</p> <p>- HS ghi bài.</p>	<p><b><u>3. ĐƯỜNG THẲNG TRÙNG NHAU, CẮT NHAU, SONG SONG:</u></b></p>
--	---	--

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- GV giới thiệu tiếp về hai đường thẳng trùng nhau, hai đường thẳng song song thông ảnh hình ảnh.</p> <p><i>Hình 1:</i></p>  <p><i>Hình 2:</i></p>  <p>❓ Hình 1: Hai đường thẳng a, b có bao nhiêu điểm chung?</p> <p>❓ Hình 2: Hai đường thẳng xy, x'y' có bao nhiêu điểm chung?</p> <p>- GV giới thiệu hai đường thẳng trùng nhau, song song.</p> <p><b>* Nhấn mạnh:</b> Hai đường thẳng không trùng nhau gọi là hai đường thẳng phân biệt.</p> <p>❓ Hai đường thẳng phân biệt có thể có bao nhiêu điểm chung?</p> <p>- GV cho HS đọc chú ý.</p> <p>- GV lưu ý với HS: nếu hai đường thẳng mà không nói gì thêm, ta hiểu đó là hai đường thẳng phân biệt.</p>	<p>- Có vô số điểm chung.</p> <p>- Không có điểm chung nào cả.</p> <p>- HS tiếp thu kiến thức.</p> <p>- Hai đường thẳng phân biệt có thể có một điểm chung hoặc không có điểm chung nào.</p> <p>- HS đọc chú ý.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe.</p>	<p>- Hai đường thẳng cắt nhau là hai đường thẳng có một điểm chung</p>  <p>Đường thẳng AB và AC cắt nhau tại A và A gọi là giao điểm của hai đường thẳng.</p> <p>- Hai đường thẳng trùng nhau là hai đường thẳng có vô số điểm chung.</p>  <p>Hai đường thẳng a, b trùng nhau.</p> <p>- Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng không có điểm chung.</p>  <p>Hai đường thẳng xy, x'y' song song.</p> <p><b>* Chú ý: SGK/109.</b></p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p><b>* <u>Củng cố:</u></b></p> <p><b>?</b> Hai đường thẳng sau có cắt nhau không? Vì sao?</p> 	<p>- Hai đường thẳng a và b cắt nhau, vì: đường thẳng không giới hạn hai phía, nếu ta kéo dài ra thì chúng có 1 điểm chung. Do đó chúng cắt nhau.</p>	
<b>Hoạt động 4: Củng cố (15 ph)</b>		
<p>- Yêu cầu HS làm bài 15/ 109 SGK. (Gọi 2 HS trả lời miệng, rồi GV nhận xét)</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 16/ 109 SGK. (HS trả lời miệng, GV nhận xét).</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 17/ 109 SGK. - GV cho HS thảo luận nhóm, làm vào giấy nộp cho GV. - GV gọi đại diện của 1 nhóm lên bảng sửa bài, các nhóm khác theo dõi và nhận xét. - GV nhận xét bài làm của HS.</p>	<p>- HS đứng tại vị trí chỗ ngồi đọc câu trả lời.</p> <p>a) Bao giờ cũng có một đường thẳng đi qua hai điểm. b) Ta kẻ một đường thẳng đi qua hai trong ba điểm cho trước, rồi quan sát đường thẳng đó có đi qua điểm thứ ba hay không?</p> <p>- HS thảo luận nhóm. - HS lên bảng giải bài tập.</p>	<p><b>* Bài 15/ 109 SGK</b> a) Đúng. b) Đúng.</p> <p><b>* Bài 16/ 109 SGK</b> a) Bao giờ cũng có một đường thẳng đi qua hai điểm. b) Vẽ một đường thẳng đi qua hai trong ba điểm cho trước, rồi quan sát đường thẳng đó có đi qua điểm thứ ba hay không?</p> <p><b>* Bài 17/ 109 SGK</b></p>  <p>Có 6 đường thẳng: AB, AC, AD, BC, BD, CD.</p>

### 3. Dẫn dò: (3 ph)

- Học bài cũ và xem trước bài “Thực hành: Trồng cây thẳng hàng”
- Hướng dẫn BTVN 18, 19, 20/ 109; 21/ 110 SGK.

## §4. THỰC HÀNH: TRỒNG CÂY THẲNG HÀNG

**I. Mục tiêu:**

- HS biết trồng cây hoặc chôn các cọc thẳng hàng với nhau dựa trên khái niệm ba điểm thẳng hàng.

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Ba cọc tiêu, 1 dây dọi, 1 búa đóng cọc.
- HS: Mỗi nhóm thực hành chuẩn bị (gồm từ 8 đến 10 HS) chuẩn bị: 1 búa đóng cọc, 1 dây dọi, từ 6 đến 8 cọc tiêu 1 đầu nhọn (hoặc cọc có thể đứng thẳng) được sơn hai màu đỏ và trắng xen kẽ. Cọc thẳng bằng tre hoặc gỗ dài khoảng 1,5 m.

**III. Các hoạt động dạy học:**

**1. Kiểm tra: (2 ph)**

- Kiểm tra HS của các nhóm có mang đầy đủ dụng cụ hay không.

**2. Tiến hành trồng cây thẳng hàng:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 1: Thông báo nhiệm vụ (3 ph)</b>		
- GV thông báo nhiệm vụ của từng nhóm. a) Chôn các cọc hàng rào thẳng hàng nằm giữa hai cột mốc A và B. b) Đào hố trồng cây thẳng hàng với hai cây A và B đã có hai đầu lè đường. ❓ Khi đã có những dụng cụ trong tay chúng ta cần tiến hành làm như thế nào?	- HS chú ý lắng nghe GV phân công nhiệm vụ.      - HS trả lời	
<b>Hoạt động 2: Tìm hiểu cách làm (8 ph)</b>		
- Yêu cầu HS đọc mục 3 trong SGK trang 110.  - Yêu cầu HS quan sát hình 24, 25 trong SGK trang 111.  - Sau khi tham khảo xong GV làm mẫu trước cho cả lớp xem. - GV gọi HS nhắc lại cách làm.	- HS đứng tại vị trí chỗ ngồi đọc, các HS khác chú ý lắng nghe.  - HS quan sát hình và tìm hiểu kĩ về cách làm.  - HS chú ý quan sát các bước làm của GV. - HS nhắc lại cách làm theo như SGK.	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 3: Học sinh thực hành theo nhóm (24 ph)</b>		
<p>- Sau khi làm mẫu xong, GV cho HS thực hành theo nhóm (Nhóm trưởng quan sát, nhắc nhở và điều chỉnh khi cần thiết)</p> <p>- Yêu cầu mỗi nhóm ghi lại biên bản thực hành theo trình tự các khâu:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuẩn bị thực hành (kiểm tra từng cá nhân)</li> <li>2. Thái độ, ý thức thực hành (cụ thể từng cá nhân)</li> <li>3. Kết quả tự thực hành: Nhóm tự đánh giá: tốt, khá, trung bình (hoặc có thể tự cho điểm)</li> </ol>	<p>- HS hoạt động nhóm (dưới sự hướng dẫn của nhóm trưởng)</p> <p>- Tổ trưởng có trách nhiệm kiểm tra lại biên bản thực hành của nhóm mình.</p>	
<b>Hoạt động 4: GV tập trung HS và nhận xét cả lớp (5 ph)</b>		
<p>- GV nhận xét và đánh giá kết quả, rút ra ưu khuyết điểm và cho điểm từng nhóm.</p>	<p>- HS lắng nghe lời nhận xét của GV.</p>	

**3. Dọn vệ sinh: (3 ph)**

- Cất dụng cụ.
- HS vệ sinh chân tay sạch sẽ, chuẩn bị vào tiết sau.

## §5. TIA

**I. Mục tiêu:**

- HS biết định nghĩa mô tả tia các cách khác nhau.
- HS biết thế nào là hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau.
- HS biết vẽ tia, biết viết tên và biết đọc tên một tia.
- Biết phân loại hai tia chung gốc.

**II. Chuẩn bị:**

- GV: SGK, thước thẳng, bảng phụ, phấn màu.
- HS: SGK, thước thẳng, bút khác màu.

**III. Các hoạt động dạy học:**

**1. Kiểm tra bài cũ: (3 ph)**


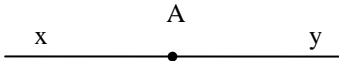

- GV treo bảng phụ:

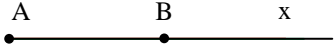
Cho hình vẽ, điền vào dấu chỗ trống (...) trong các phát biểu sau:

- M, N nằm ... phía đối với ...
- M, I nằm ... phía đối với N
- Điểm I nằm giữa hai điểm ...
- Điểm... thuộc đường thẳng MN

**2. Bài mới: Tia là gì? Tia còn có tên gọi gì khác nữa không?**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 1: Tia gốc O (15 ph)</b>		
<p>-Yêu cầu một HS lên bảng vẽ đường thẳng xy và lấy điểm O thuộc đường thẳng xy.</p> <p>- GV dùng phấn màu tô đậm phần đường thẳng Ox. Giới thiệu: Hình gồm điểm O và phần đường thẳng này gọi là một tia gốc O.</p> <p><b>?</b> Thế nào là một tia gốc O?</p> <p>- Gọi HS đọc lại định nghĩa tia gốc O, GV ghi bảng.</p>	<p>- HS lên bảng vẽ hình, cả lớp vẽ vào vở.</p> <p>- HS chú ý nghe giảng.</p> <p>- Hình gồm điểm O và phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O gọi là một tia gốc O.</p> <p>- HS đọc lại định nghĩa.</p>	<p><b>1. <u>TIA:</u></b></p> <div style="text-align: center; margin: 10px 0;"> </div> <p>- Hình gồm điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O được gọi là một tia gốc O (còn gọi là một nửa đường thẳng gốc O).</p>

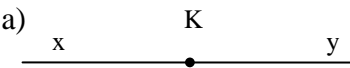
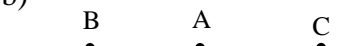

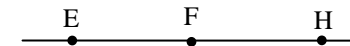
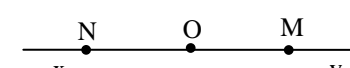
HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- Giới thiệu tên của hai tia Ox, Oy (còn gọi là nửa đường thẳng Ox, Oy)</p> <p>- Nhấn mạnh: Tia Ox bị giới hạn ở điểm O, không bị giới hạn về phía x.</p> <p>❓ Vậy tia Oy bị giới hạn ở điểm nào, không bị giới hạn về phía nào?</p> <p>- GV lưu ý với HS cách viết (cách đọc) của một tia: viết tên gốc trước.</p> <p><b>* Cũng cố: bài 25/113 SGK</b></p> <p>- HS dùng bút hai màu mực để vẽ hai tia AB và tia BA.</p> <p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác vào vào vở bài.</p> <p>- GV nhận xét.</p>	<p>- HS ghi bài</p> <p>- HS tiếp thu kiến thức</p> <p>- Tia Oy bị giới hạn ở điểm O, không bị giới hạn về phía y.</p> <p>- HS chú ý nghe giảng bài.</p> <p>- HS lên bảng làm bài.</p>	<p>- Tia Ox (nửa đường thẳng Ox)</p> <p>- Tia Oy (nửa đường thẳng Oy)</p> <p>- Điểm O là gốc của tia</p> <p><b>* Chú ý:</b>  <i>Khi đọc (hay viết) tên một tia, phải đọc (hay viết) tên gốc trước.</i></p> <p><b>* Bài 25/ 113 SGK</b></p> 
<b>Hoạt động 2: Hai tia đối nhau (14ph)</b>		
<p>❓ Quan sát lại hình 26, em cho biết đặc điểm của hai tia Ox, Oy?</p> <p>- GV giới thiệu: Hai tia Ox,Oy gọi là hai tia đối nhau.</p> <p>❓ Vậy thế nào là hai tia đối nhau?</p> <p>- GV ghi khái niệm hai tia đối nhau.</p> <p>❓ Có bao nhiêu điểm thuộc một đường thẳng cho trước?</p> <p>- GV nhận xét: Vậy mỗi điểm trên đường thẳng là gốc chung của hai tia đối nhau.</p> <p><b>* Cũng cố: ?1</b></p> <p>- GV gọi hai HS lên bảng làm bài, các HS khác làm vào vở.</p>	<p>- HS suy nghĩ và trả lời</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hai tia chung gốc</li> <li>• Hai tia tạo thành một đường thẳng.</li> </ul> <p>- HS chú ý lắng nghe</p> <p>- Hai tia chung gốc và tạo thành đường thẳng gọi là hai tia đối nhau.</p> <p>- HS ghi bài</p> <p>- Có vô số điểm thuộc một đường thẳng cho trước.</p> <p>- HS ghi bài.</p> <p>- HS lên bảng làm bài...</p>	<p><b>2. HAI TIA ĐỐI:</b></p>  <p>- Hai tia chung gốc và tạo thành đường thẳng được gọi là hai tia đối nhau.</p> <p><b>* Nhận xét: SGK/112</b></p> <p>❓</p>  <p>a) Hai tia Ax, By không phải là hai tia đối nhau, vì: chúng không chung gốc và cũng không tạo nên đường thẳng.</p>

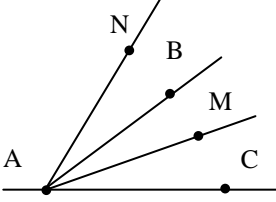
HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
		b) Các tia đối nhau: <ul style="list-style-type: none"> <li>• Ax và Ay;</li> <li>• Bx và By.</li> </ul>
<b>Hoạt động 3: Hai tia trùng nhau (8 ph)</b>		
- GV vẽ hình 29/ 112 SGK - Yêu cầu HS lên bảng vẽ hình: tia AB bằng phần màu xanh, vẽ tia Ax bằng phần màu vàng. - Sau khi vẽ hình xong GV giới thiệu về hai tia trùng nhau (Tia AB và tia Ax trùng nhau). ? Vậy thế nào là hai tia trùng nhau? (nhận xét về các điểm của hai tia) - GV giới thiệu khái niệm hai tia trùng nhau. - GV nhấn mạnh hai tia sẽ không trùng nhau nếu có ít nhất một điểm thuộc tia này mà không thuộc tia kia. Lưu ý với HS: Nếu hai tia không trùng nhau còn gọi là hai tia phân biệt. * <b>Củng cố: ?2</b> - GV yêu cầu HS vẽ hình vào vở.	- HS lên bảng vẽ hình, các HS khác vẽ hình vào vở.  - Hai tia trùng nhau là hai tia mà mọi điểm đều là điểm chung. - HS ghi bài.  ?2 - HS vẽ vào vở.	<b>3. HAI TIA TRÙNG NHAU:</b>   <p>Tia Ax và tia AB là hai tia trùng nhau.</p> <p>- Hai tia trùng nhau là hai tia mà mọi điểm đều là điểm chung.</p> <p>* <b>Chú ý:</b>  <i>Hai tia không trùng nhau còn được gọi là hai tia phân biệt.</i></p> <p>?2                      a) Tia OB và Oy trùng nhau.                      b) Tia Ox và Ax không trùng nhau, vì: chúng không chung gốc.                      c) Hai tia chung gốc Ox, Oy không đối nhau, vì: chúng không tạo thành một đường thẳng.</p>
<b>Hoạt động 4: Củng cố (5 ph)</b>		
- Yêu cầu HS làm bài 22/ 112 SGK. - HS nhắc lại khái niệm về hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau.	- HS lên bảng làm bài - HS đứng tại chỗ ngồi nhắc lại.	* <b>Bài 22/ 112 SGK</b> Tia gốc O Hai tia đối nhau AB và AC; CB; Trùng nhau.

**3. Dẫn dò: (3 ph)**

- Học bài và làm bài 23, 24/ 113 SGK.
- Xem trước các bài ở phần luyện tập.



HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
		d) <ul style="list-style-type: none"> <li>• A và O nằm cùng phía đối với B;</li> <li>• O và B nằm cùng phía đối với A</li> <li>• A và B nằm khác phía đối với O.</li> </ul>
<b>Hoạt động 2: Bài tập sử dụng ngôn ngữ (15 ph)</b>		
<p><b>- Bài 2:</b> Điền vào chỗ trống để được câu đúng trong các phát biểu sau:</p> <p>a) Điểm K nằm trên đường thẳng xy là góc chung của ...</p> <p>b) Nếu điểm A nằm giữa hai điểm B và C thì:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hai tia ... đối nhau.</li> <li>• Hai tia CA và ... trùng nhau.</li> <li>• Hai tia BA và BC ...</li> </ul> <p>c) Tia AB là hình gồm điểm ... và tất cả các điểm ... với B đối với A.</p> <p>d) Hai tia đối nhau là ...</p> <p>e) Nếu ba điểm E, F, H theo thứ tự cùng nằm trên một đường thẳng thì trên hình có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Các tia đối nhau là ...</li> <li>• Các tia trùng nhau là ...</li> </ul> <p>- Yêu cầu HS lên bảng ghi nội dung điền vào chỗ trống.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài...</p>	<p>* <b>Bài 2:</b></p> <p>a)  Hai tia Kx và Ky đối nhau.</p> <p>b)   <ul style="list-style-type: none"> <li>• AB và AC</li> <li>• CB</li> <li>• Trùng nhau.</li> </ul> </p> <p>c)   <ul style="list-style-type: none"> <li>• A</li> <li>• Nằm cùng phía.</li> </ul> </p> <p>d)                     <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hai tia chung gốc và tạo thành một đường thẳng.</li> </ul> </p> <p>e)   <ul style="list-style-type: none"> <li>• FE và FH</li> <li>• EF và EH; HF và HE.</li> </ul> </p>
<b>Hoạt động 3: Bài tập luyện vẽ hình (15 ph)</b>		
<p>- Yêu cầu HS làm bài 28/ 113 SGK.</p> <p>- GV nhận xét.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài...</p> <p>- HS chú ý lắng nghe.</p>	<p>* <b>Bài 28/ 113 SGK</b></p> 

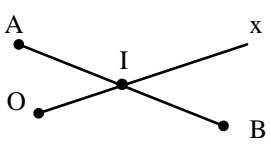
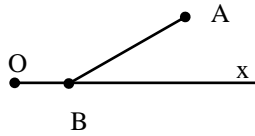

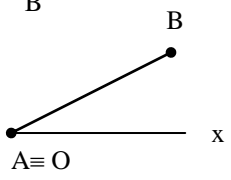
HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- Yêu cầu HS làm bài 31/114 SGK.</p> <p>- HS nhắc lại cách vẽ ba điểm không thẳng hàng.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài...</p> <p>- Để vẽ ba điểm không thẳng hàng ta vẽ đường thẳng đi qua hai trong ba điểm cho trước, lấy điểm thứ 3 không thuộc đường thẳng đó.</p>	<p>Hai tia Ox và Oy đối nhau gốc O.</p> <p>Điểm O nằm giữa hai điểm M và N.</p> <p><b>* Bài 31/ 114 SGK</b></p> 
<b>Hoạt động 4: Củng cố (3 ph)</b>		
<p>❓ Thế nào là một tia gốc O?</p> <p>❓ Thế nào là hai tia đối nhau?</p>	<p>- Hình gồm điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O gọi là tia gốc O.</p> <p>- Hai tia đối nhau là hai tia chung gốc và tạo thành một đường thẳng.</p>	

**2. Dẫn dò: (2 ph)**

- Học thuộc: Khái niệm tia gốc O, hai tia đối nhau, hai tia trùng nhau.
- Hướng dẫn BTVN 29, 30, 32/ 99 SGK.
- Xem trước bài “Đoạn thẳng”.





HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p><b>* Củng cố:</b> - GV treo hình vẽ</p> <p>Hình 1:  </p> <p>Hình 2:  </p> <p>Hình 3:  </p> <p>Hình 4:  </p> <p>❓ Hãy mô tả nội dung của hình vẽ?</p>	<p>- HS lần lượt trả lời</p>	<p><b>- VD:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Hình 1: Đoạn thẳng AB cắt tia Ox tại I.</li> <li>Hình 2: Đoạn thẳng AB cắt tia Ox tại B.</li> <li>Hình 3: Đoạn thẳng Ab cắt tia Ox tại O.</li> <li>Hình 4: Đoạn thẳng AB cắt tia Ox tại A (hay O).</li> </ul>
<b>Hoạt động 3: Củng cố (10 ph)</b>		
<p>❓ Hãy nêu định nghĩa đoạn thẳng AB? - Yêu cầu HS làm bài 33/ 115 SGK. (HS lên bảng ghi nội dung điền vào chỗ trống). - GV nhận xét</p>	<p>- HS nhắc lại định nghĩa đoạn thẳng AB. - HS lên bảng làm bài</p>	<p><b>* Bài 33/ 115 SGK</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>R, S</li> <li>R, S</li> <li>R, S</li> <li>Điểm P và điểm Q và tất cả các điểm nằm giữa P và Q.</li> </ul>

**3. Dẫn dò: (2 ph)**

- Học thuộc: Định nghĩa đoạn thẳng AB.
- Hướng dẫn BTVN 35, 36, 37, 38/116 SGK
- Xem trước bài “Độ dài đoạn thẳng”.

## §7. ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG

### I. Mục tiêu:

- HS biết độ dài đoạn thẳng là gì?
- Biết sử dụng thước đo độ dài để đo đoạn thẳng.
- Biết so sánh hai đoạn thẳng.
- Giáo dục tính cẩn thận khi đo.

### II. Chuẩn bị:

- GV: Thước thẳng có chia khoảng, SGK, bảng phụ, phấn màu
- HS: Thước thẳng có chia khoảng, SGK, bút chì

### III. Các hoạt động dạy học:

#### 1. Kiểm tra bài cũ: (5 ph)

- HS1: Đoạn thẳng AB là gì? Vẽ đoạn thẳng đó.
- HS2: Sửa bài 37/116 SGK

#### 2. Bài mới: Vì sao đoạn thẳng có độ dài? Đường thẳng và tia không có?

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<i>Hoạt động 1: Đo độ dài đoạn thẳng (17 ph)</i>		
<p><b>?</b> GV yêu cầu HS nhắc lại định nghĩa đoạn thẳng AB?</p> <p>- GV gọi hai HS đọc cách đo đoạn thẳng AB trang 117 SGK</p> <p>- Gọi một HS lên bảng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vẽ một đoạn thẳng, có đặt tên.</li> <li>• Đo đoạn thẳng đó.</li> <li>• Viết kết quả đo bằng ngôn ngữ thông thường và bằng kí hiệu.</li> </ul> <p><b>?</b> Để đo đoạn thẳng dụng cụ nào?</p> <p>- GV giới thiệu thêm vài dụng cụ đo đoạn thẳng, vd: thước thẳng có chia khoảng, thước dây, thước xích, thước gấp...</p> <p>- Yêu cầu HS nêu lại cách đo.</p>	<p>- HS nhắc lại định nghĩa đoạn thẳng AB.</p> <p>- HS đọc cách đo đoạn thẳng AB.</p> <p>- Cả lớp thực hiện vào vở.</p> <p>- Dùng thước thẳng có chia khoảng.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe và ghi vào vở.</p> <p>- HS nêu cách đo đoạn thẳng.</p>	<p><b>1. ĐO ĐOẠN THẲNG:</b></p> <p>- Dụng cụ: Thước có chia khoảng, thước cuộn, thước xích có chia khoảng, thước dây, thước gấp...</p> <p>- Cách đo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt cạnh thước đi qua hai điểm A; B. Sao cho vạch số 0 trùng với điểm A.</li> <li>• Điểm B trùng với một vạch nào đó trên thước,</li> </ul>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- GV nhận xét và giới thiệu lại cách đo một đoạn thẳng.</p> <p><b>?</b> Với một đoạn thẳng thì sẽ có mấy độ dài tương ứng?</p> <p><b>?</b> Độ dài đó là số dương hay số âm?</p> <p>- GV nhận xét và cho HS đọc lại phần nhận xét.</p> <p><b>?</b> Khi A trùng với B thì khoảng cách giữa A và B bằng mấy?</p> <p>- GV lưu ý với HS: Nếu A trùng với B thì khoảng cách giữa A và B bằng 0.</p> <p><b>* Củng cố:</b></p> <p><b>?</b> Hãy phân biệt đoạn thẳng và độ dài của đoạn thẳng?</p> <p>☞ Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đoạn thẳng là gì?</li> <li>• Độ dài đoạn thẳng là số âm hay dương?</li> </ul>	<p>- HS ghi cách đo đoạn thẳng AB.</p> <p>- Một đoạn thẳng sẽ có một độ dài tương ứng.</p> <p>- Độ dài đó là số dương.</p> <p>- HS đọc nhận xét</p> <p>- Khoảng cách của chúng bằng 0.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe</p> <p>- HS suy nghĩ...</p> <p>- Đoạn thẳng là một hình.</p> <p>- Độ dài đoạn thẳng là một số dương.</p>	<p>chẳng hạn vạch 10cm, ta nói độ dài AB (hoặc độ dài BA) bằng 10 cm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Kí hiệu: <math>AB = 10 \text{ cm}</math>.</li> </ul> <p>- Nhận xét: SGK/117</p>
<p><b>Hoạt động 2: So sánh hai đoạn thẳng (12 ph)</b></p>		
<p><b>?</b> Để so sánh 2 đoạn thẳng ta làm như thế nào?</p> <p>- GV nhắc lại: Để so sánh 2 đoạn thẳng ta so sánh độ dài của chúng.</p> <p><b>?</b> Nhìn hình 40/ 117 SGK , hãy so sánh các đoạn thẳng sau AB với CD ; AB với EG ; CD với EG (thể hiện bằng kí hiệu)?</p> <p><b>* Củng cố:</b></p> <p>- Yêu cầu HS làm <b>?</b>1 /118 SGK</p> <p>- GV hướng dẫn HS dùng kí hiệu giống nhau để đánh dấu cho các đoạn thẳng bằng nhau.</p> <p>- Yêu cầu HS làm <b>?</b>2 /118 SGK</p>	<p>- Ta đo độ dài các đoạn thẳng rồi so sánh các độ dài của chính.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>AB = CD</math>;</li> <li>• <math>AB &lt; EG</math>;</li> <li>• <math>CD &lt; EG</math>.</li> </ul> <p>- HS lên bảng thực hiện <b>?</b>1</p> <p>- HS trả lời: a) thước dây; b) thước gấp; c) thước xích.</p>	<p><b><u>2. SO SÁNH HAI ĐOẠN THẲNG:</u></b></p> <p>- Để so sánh hai đoạn thẳng ta so sánh độ dài của chúng.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
- Yêu cầu HS làm <b>23</b> /118 SGK 1 inch = ?	- HS lên bảng làm <b>23</b> • 1 inch = 25,4 mm.	
<b>Hoạt động 3: Củng cố (10 ph)</b>		
<p><b>?</b> Hãy nêu cách đo đoạn thẳng AB?</p> <p><b>?</b> Để so sánh hai đoạn thẳng ta làm như thế nào?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 43/ 119 SGK. ☞ Gợi ý:</p> <p><b>?</b> Muốn sắp xếp độ dài các đoạn thẳng theo thứ tự tăng dần, ta thực hiện như thế nào?</p> <p>- GV nhận xét...</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 44/ 119 SGK</p>	<p>- Đặt cạnh thước đi qua 2 điểm A và B. Vạch số 0 trùng với A, điểm B trùng với vạch số trên thước. Đó là số đo độ dài của đoạn AB.</p> <p>- Để so sánh hai đoạn thẳng ta so sánh độ dài của chúng.</p> <p>- HS lên bảng thực hiện.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đo độ dài các đoạn thẳng.</li> <li>• So sánh các đoạn thẳng, rồi sắp xếp độ dài các đoạn thẳng theo thứ tự tăng dần.</li> </ul> <p>- HS lên bảng thực hiện.</p>	<p>* <b>Bài 43/ 119 SGK</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>BC &gt; AB &gt; AC</math></li> </ul> <p>* <b>Bài 44/ 119 SGK</b></p> <p>a)</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>AB = 1,2\text{cm}</math></li> <li>• <math>BC = 1,6\text{cm}</math></li> <li>• <math>CD = 2,5\text{cm}</math></li> <li>• <math>AD = 3,1\text{cm}</math></li> <li>• Vậy <math>AD &gt; CD &gt; BC &gt; AB</math>.</li> </ul> <p>b) Chu vi hình ABCD là: <math>3,1 + 2,5 + 1,6 + 1,2 = 8,4(\text{cm})</math>.</p>

### 3. Dặn dò: (3 ph)

- Nắm vững cách đo một đoạn thẳng, cách đo đoạn thẳng, cách so sánh hai đoạn thẳng.
- Hướng dẫn bài 42, 45/ 119 SGK.
- Xem trước bài “Khi nào thì  $AM + MB = AB$ ”.

## §8. KHI NÀO THÌ $AM + MB = AB$ ?

### I. Mục tiêu:

- HS hiểu nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì  $AM + MB = AB$ .
- Nhận biết một điểm nằm giữa hay không nằm giữa hai điểm khác.
- Giáo dục HS tính cẩn thận khi đo các đoạn thẳng và khi cộng các độ dài.

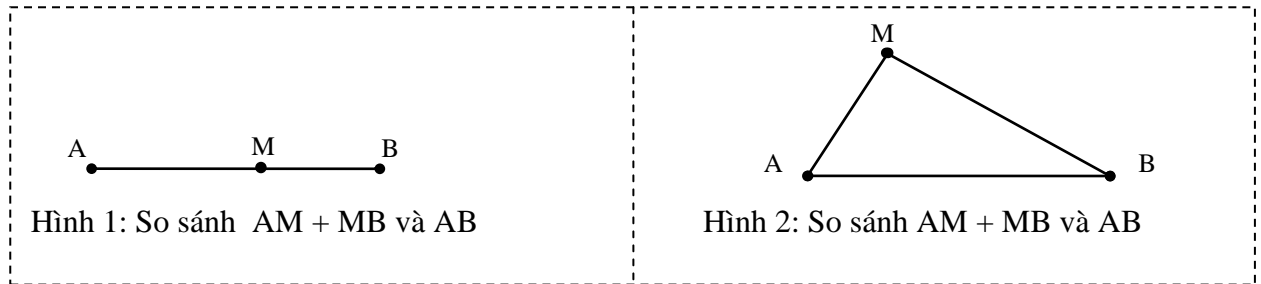
### II. Chuẩn bị:

- GV: Thước thẳng có chia khoảng, SGK, bảng phụ
- HS: Thước thẳng có chia khoảng, SGK

### III. Các hoạt động dạy học:

#### 1. Kiểm tra bài cũ: (7 ph)

- GV Treo bảng phụ:



Đáp án:

- Hình 1:  $AM + MB = AB$
- Hình 2:  $AM + MB \neq AB$ .

#### 2. Bài mới: Khi nào $AM + MB = AB$ ?

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 1: Khi nào thì <math>AM + MB = AB</math>? (20 ph)</b>		
- Yêu cầu HS làm <b>21</b> /120 SGK (GV gọi HS lên bảng thực hiện)	- Hình 48a) <ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>AM = 2\text{cm}</math></li> <li>• <math>MB = 3\text{cm}</math></li> <li>• <math>AB = 5\text{cm}</math></li> <li>• Vậy <math>AM + MB = AB</math> (5cm).</li> </ul> - Hình 48b) <ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>AM = 1,5\text{cm}</math></li> <li>• <math>MB = 3,5\text{cm}</math></li> <li>• <math>AB = 5\text{cm}</math></li> <li>• Vậy <math>AM + MB \neq AB</math></li> </ul>	<b>1. KHI NÀO TỔNG ĐỘ DÀI HAI ĐOẠN THẲNG AM VÀ MB BẰNG ĐỘ DÀI ĐOẠN THẲNG AB?</b>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>❓ Nếu M nằm giữa hai điểm A và B thì ta có điều gì? Và ngược lại nếu <math>AM + MB = AB</math> thì ta có điều gì?</p> <p>- GV nhận xét và cho HS nhận xét.</p> <p>❓ Nếu M không nằm giữa hai điểm A và B thì <math>AM + MB</math> có bằng AB hay không?</p> <p>- GV hướng dẫn VD SGK trang 120 để từ đó HS áp dụng làm bài 46/ 121 SGK</p>	<p>- Nếu M nằm giữa hai điểm A và B thì <math>AM + MB = AB</math>. Ngược lại nếu <math>AM + MB = AB</math> thì M nằm giữa A và B.</p> <p>- HS đọc nhận xét.</p> <p>- Nếu M không nằm giữa A và B thì <math>AM + MB \neq AB</math>.</p> <p>- HS đọc đề bài, lên bảng làm bài</p>	<p>- Nhận xét: Nếu điểm M nằm giữa A và B thì <math>AM + MB = AB</math>. Ngược lại, nếu <math>AM + MB = AB</math> thì M nằm giữa hai điểm A và B.</p> <p>➤ <b>Áp dụng:</b> * <b>Bài 46/121 SGK</b> Vì N là một điểm của đoạn thẳng IK, nên <math>IN + NK = IK</math> Mà <math>IN = 3\text{cm}</math>; <math>NK = 6\text{cm}</math> <math>\Rightarrow 3 + 6 = IK</math> <math>\Rightarrow IK = 9\text{ (cm)}</math>.</p>
<b>Hoạt động 2: Một vài dụng cụ đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất (5 ph)</b>		
<p>- GV giới thiệu cho HS thước cuộn và thước hình chữ A</p> <p>- Hướng dẫn HS cách đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất rồi.</p> <p>- Yêu cầu HS đọc cách đo khoảng cách giữa hai điểm trên mặt đất.</p>	<p>- HS chú ý nghe giảng</p> <p>- HS đọc cách đo khoảng cách hai điểm trên mặt đất SGK.</p>	<p><b>2. MỘT VÀI DỤNG CỤ ĐO KHOẢNG CÁCH GIỮA HAI ĐIỂM TRÊN MẶT ĐẤT:</b></p> <p>- Xem SGK trang 120; 121</p>
<b>Hoạt động 3: Củng cố (10 ph)</b>		
<p>❓ Điều kiện để nhận biết điểm M nằm giữa hai điểm A và B là gì?</p> <p>❓ Cho ba điểm thẳng hàng, ta chỉ cần đo mấy đoạn thẳng mà biết được độ dài của cả ba đoạn thẳng?</p> <p>❓ Biết <math>MI + IN = MN</math>, kết luận được điều gì?</p> <p>- GV treo bảng phụ đề bài: Điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại trong ba điểm A; B; C. a) Biết <math>AB = 4\text{ cm}</math>; <math>AC = 5\text{ cm}</math>; <math>BC = 1\text{ cm}</math>. b) Biết <math>AB = 1,8\text{ cm}</math>; <math>AC = 5,2</math></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>AM + MB = AB</math></li> <li>• M là một điểm của đoạn thẳng AB.</li> </ul> <p>- Ta cần đo hai đoạn thẳng thì biết được độ dài của cả ba đoạn thẳng.</p> <p>- Điểm I nằm giữa M và N.</p> <p>- HS đọc đề bài trên bảng phụ rồi làm theo nhóm.</p> <p>- Đại diện hai nhóm lên bảng sửa bài.</p>	<p>* <b>Áp dụng:</b></p> <p>a) Ta có: <math>AB + BC = AC</math> (vì <math>4 + 1 = 5</math>) <math>\Rightarrow B</math> nằm giữa A và C.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
cm; $BC = 4\text{cm}$ . (HS thảo luận thảo nhóm, làm vào giấy rồi nộp cho GV) - GV nhận xét.		b) Ta có: $AB + AC \neq BC$ (vì $1,8 + 5,2 \neq 4$ ) $AB + BC \neq AC$ (vì $1,8 + 4 \neq 5,2$ ) $AC + BC \neq AB$ (vì $5,2 + 4 \neq 1,8$ ) $\Rightarrow$ Không có điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại trong 3 điểm A, B, C.

### 3. Dẫn dò: (3 ph)

- Nắm vững kết luận khi nào  $AM + MB = AB$  và ngược lại.
- Hướng dẫn BTVN 47; 49; 50; 52/ 121; 122 SGK.
- Xem trước bài “Vẽ đoạn thẳng cho biết độ dài”.

**LUYỆN TẬP****I. Mục tiêu:**

- Khắc sâu kiến thức: Nếu điểm M nằm giữa hai điểm A và B thì  $AM + MB = AB$  qua một số bài tập.
- Rèn kỹ năng nhận biết một điểm nằm giữa hay không nằm giữa hai điểm khác.
- Bước đầu tập suy luận và rèn kỹ năng tính toán.

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Thước thẳng, bảng phụ, phấn màu, SGK,...
- HS: Thước thẳng có chia khoảng, SGK,...

**III. Các hoạt động dạy học:****1. Kiểm tra bài cũ: (8 ph)**

- HS1: Khi nào thì  $AM + MB = AB$  và ngược lại?
- HS2: Gọi M là một điểm của đoạn thẳng AB. Biết  $AM = 4\text{cm}$ ;  $AB = 10\text{cm}$ .
  - Tính đoạn thẳng MB.
  - So sánh 2 đoạn thẳng AM và MB.

Đáp án:

- Vì M là một điểm của đoạn thẳng AB, nên:

$$AM + MB = AB$$


$$\Rightarrow 4 + MB = 10$$


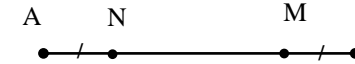
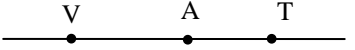
$$\Rightarrow MB = 10 - 4$$

$$\Rightarrow MB = 6 \text{ (cm)}$$

- $AM < MB$  (vì  $4 < 6$ )

**2. Luyện tập: Sửa các bài tập trong SGK**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 1: Luyện tập (25 ph)</b>		
- Yêu cầu HS đọc đề và làm bài 47/121 SGK. <b>?</b> Đề bài cho gì và hỏi gì?  - GV nhận xét...	- HS lên bảng làm bài...  - HS trả lời: <ul style="list-style-type: none"> <li>Cho: M là một điểm của đoạn thẳng EF; <math>EM = 4\text{cm}</math>; <math>EF = 8\text{cm}</math>.</li> <li>Hỏi: So sánh EM và MF.</li> </ul>	* <b>Bài 47/121 SGK</b>   Vì M là một điểm của đoạn thẳng EF nên M nằm giữa E; F. $\Rightarrow ME + MF = EF$ $\Rightarrow MF = EF - ME$ Mà $EM = 4\text{cm}$ ; $EF = 8\text{cm}$ . $\Rightarrow MF = 8 - 4 = 4 \text{ (cm)}$ Vậy $ME = MF = 4 \text{ (cm)}$ .

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- Yêu cầu HS làm bài 49/121 SGK.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm vào vở.</p>	<p>* <b>Bài 49/121 SGK</b></p> <p>- Trường hợp a:</p>  <p>Vì M nằm giữa A và B, nên:  <math>AM + MB = AB</math>  <math>\Rightarrow MB = AB - AM</math> (1)</p> <p>Vì N nằm giữa A và B, nên:  <math>AN + NB = AB</math>  <math>\Rightarrow AN = AB - NB</math> (2)</p> <p>Mà <math>AN = MB</math>          Suy ra: <math>AB - AM = AB - NB</math>  <math>\Rightarrow AM = BN</math>.</p> <p>- Trường hợp b:</p>  <p>Tương tự trường hợp a, ta có <math>AN = BM</math>.</p>
<p>- Yêu cầu HS làm bài 51/122 SGK.</p> <p>- GV nhận xét, đánh giá.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở.</p>	<p>* <b>Bài 51/ 122 SGK</b></p> <p>Ta có:  <math>TA + AV = TV</math> (vì <math>1 + 2 = 3</math>)          nên ba điểm T, A, V thẳng hàng và điểm A nằm giữa hai điểm T và V.</p> 
<p>- Yêu cầu HS làm bài 52/122 SGK.</p>	<p>- HS trả lời tại vị trí chỗ ngồi.</p>	<p>* <b>Bài 52/ 122 SGK</b></p> <p>Đáp án: Đúng</p>
<p><b>Hoạt động 5: Củng cố (10 ph)</b></p>		
<p>- GV treo bảng phụ đề bài</p> <p>Đề: Cho ba điểm A, B, C thẳng hàng. Hỏi điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại nếu:</p> <p>a) <math>AC + CB = AB</math>          b) <math>AB + BC = AB</math>          c) <math>BA + AC = BC</math>.</p>		

**3. Dẫn dò:**

- Học kỹ lý thuyết theo SGK
- BTVN 44; 45; 46; 50/ 102 SBT
- Xem trước bài “Vẽ đoạn thẳng cho biết độ dài”.

## §9. VẼ ĐOẠN THẲNG CHO BIẾT ĐỘ DÀI

**I. Mục tiêu:**

- HS nắm vững trên tia  $Ox$  có một và chỉ một điểm  $M$  sao cho  $OM = m$  (đơn vị đo độ dài) ( $m > 0$ ).
- Trên tia  $Ox$ , nếu  $OM = a$ ;  $ON = b$  và  $a < b$  thì  $M$  nằm giữa  $O$  và  $N$ .
- HS biết áp dụng kiến thức để giải các bài tập.
- Giáo dục tính cẩn thận, đo, đặt điểm chính xác.

**II. Chuẩn bị:**

- GV: SGK, thước đo độ dài, bảng phụ, compa
- HS : SGK, thước đo độ dài, compa

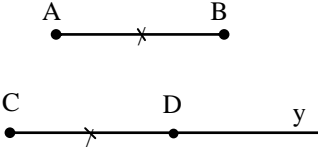
**III. Các hoạt động dạy học:**

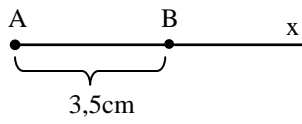
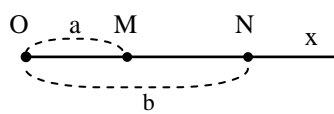
**1. Kiểm tra bài cũ: (5 ph)**

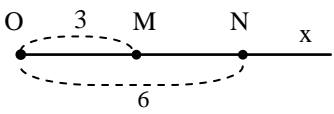
- HS1: Nếu  $M$  nằm giữa hai điểm  $A$  và  $B$  thì ta có đẳng thức nào?
- GV treo bảng phụ đề bài: Điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại trong ba điểm  $A, B, C$ .
  - a) Biết  $AB = 4\text{cm}$ ;  $AC = 5\text{cm}$ ;  $BC = 1\text{cm}$ .
  - b) Biết  $AB = 1,8\text{cm}$ ;  $AC = 5,2\text{cm}$ ;  $BC = 4\text{cm}$ .

**2. Bài mới: Khi nào  $A$  nằm giữa  $O$  và  $B$ ?**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 1: Vẽ đoạn thẳng trên tia (23 ph)</b>		
<p>-Yêu cầu HS đọc VD1 trong SGK trang 122</p> <p><b>?</b> Để vẽ một đoạn thẳng <math>OM = 2\text{cm}</math> trên tia <math>Ox</math>, ta cần xác định hai mút của nó. Ở VD1 mút nào đã biết, mút nào cần xác định?</p> <p><b>?</b> Để vẽ một đoạn thẳng ta cần những dụng cụ nào? Cách vẽ như thế nào?</p> <p>- GV nhắc lại cách vẽ một đoạn thẳng trên tia bằng thước thẳng có chia khoảng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đặt cạnh của thước trùng với tia <math>Ox</math>, sao cho vạch số 0 trùng với gốc <math>O</math>.</li> <li>• Vạch số 2cm của thước là</li> </ul>	<p>- HS đọc VD1.</p> <p>- Mút <math>O</math> đã biết, ta cần xác định mút <math>M</math>.</p> <p>- Thước thẳng có chia khoảng;</p> <p>- Đặt cạnh thước trùng với tia <math>Ox</math>, sao cho vạch số 0 của thước trùng với gốc <math>O</math> của tia. Vạch số 2 trên thước sẽ cho ta điểm <math>M</math>. Đoạn thẳng <math>OM</math> là đoạn thẳng phải vẽ.</p> <p>- HS chú ý lắng nghe và tự vẽ vào vở theo ví dụ 1</p>	<p><b>1. VẼ ĐOẠN THẲNG TRÊN TIA:</b></p> <p>- VD1: SGK/ 112</p> <div style="text-align: center;"> <p style="margin: 0;">O                      M                      x</p> </div>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>một điểm nằm trên tia <math>Ox</math>, đó là điểm <math>M</math>.</p> <p>❓ Trên tia <math>Ox</math> ta vẽ được bao nhiêu đoạn thẳng <math>OM = 2\text{cm}</math>?</p> <p>- GV nhấn mạnh: Trên tia <math>Ox</math> ta chỉ vẽ được một và chỉ một điểm <math>M</math> sao cho <math>OM = 2\text{cm}</math>.</p> <p>- Gọi HS đọc nhận xét.</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc VD2, thuật lại cách vẽ đoạn thẳng <math>CB</math>.</p> <p>- GV nhận xét và hướng dẫn HS cách vẽ đoạn thẳng <math>CD</math> bằng với đoạn thẳng <math>AB</math> cho trước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vẽ đoạn thẳng <math>AB</math>.</li> <li>• Vẽ tia <math>Cy</math> bất kỳ.</li> <li>• Dùng compa đo đoạn thẳng <math>AB</math>.</li> <li>• Xác định mút <math>D</math> trên tia <math>Cy</math>, sao cho <math>AB = CD</math>.</li> </ul> <p>❓ Để đo một đoạn thẳng cho biết độ dài ta dùng dụng cụ gì?</p> <p>❓ Trên tia <math>Ox</math>, ta vẽ được bao nhiêu điểm <math>M</math> sao cho <math>OM = a</math>.</p> <p>- Yêu cầu làm bài 58/ 124 SGK.</p>	<p>- Ta chỉ vẽ được một đoạn thẳng <math>OM = 2\text{cm}</math> trên tia <math>Ox</math>.</p> <p>- HS tiếp thu kiến thức.</p> <p>- HS đọc nhận xét.</p> <p>- HS đứng tại vị trí đọc VD2 và suy nghĩ trong 5 phút để nêu cách vẽ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Vẽ một tia <math>Cy</math> bất kì.</li> <li>• Đặt compa sao cho một mũi nhọn trùng với <math>A</math>, mũi kia trùng với <math>B</math>.</li> <li>• Giữ độ mở của compa không đổi, đặt compa sao cho một mũi nhọn trùng với gốc <math>C</math> của tia <math>Cy</math>. Mũi kia nằm trên tia cho ta mút <math>D</math>. <math>CD</math> là đoạn thẳng cần phải vẽ.</li> </ul> <p>- HS lần lượt lên bảng thực hiện. Các HS khác vẽ vào vở.</p> <p>- Thước thẳng có chia khoảng, compa.</p> <p>- Trên tia <math>Ox</math>, ta vẽ được một và chỉ một điểm <math>M</math> sao cho <math>OM = a</math>.</p>	<p>* <b>Nhận xét:</b> Trên tia <math>Ox</math> bao giờ cũng vẽ được một và chỉ một điểm <math>M</math> sao cho <math>OM = a</math> (đơn vị độ dài).</p> <p>- VD2: SGK/ 122</p>  <p>* <b>Bài 58/ 124 SGK</b></p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>❓ Em hãy nêu cách vẽ đoạn thẳng <math>AB = 3,5\text{cm}</math>?</p> <p>- GV nhận xét bài làm của HS.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vẽ tia <math>Ax</math> bất kỳ.</li> <li>Đặt cạnh thước trùng với tia <math>Ax</math>.</li> <li>Vạch số <math>3,5\text{cm}</math> trên thước cho ta điểm <math>B</math>.</li> <li><math>AB</math> là đoạn thẳng cần tìm.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>Vẽ tia <math>Ax</math> bất kỳ.</li> <li>Đặt cạnh thước trùng với tia <math>Ax</math>.</li> <li>Vạch số <math>3,5\text{cm}</math> trên thước cho ta điểm <math>B</math>.</li> <li><math>AB</math> là đoạn thẳng cần tìm.</li> </ul> 
<b>Hoạt động 2: Vẽ hai đoạn thẳng trên tia (7 ph)</b>		
<p>- Yêu cầu HS đọc VD ở mục 2 trong SGK trang 123.</p> <p>- GV gọi HS lần lượt lên bảng thực hiện:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>Vẽ tia <math>Ox</math></li> <li>Vẽ đoạn thẳng <math>OM</math> trên tia <math>Ox</math>, mà <math>OM = 2\text{cm}</math>.</li> <li>Vẽ đoạn thẳng <math>ON</math> trên tia <math>Ox</math>, mà <math>ON = 3\text{cm}</math>.</li> </ul> <p>❓ Nhận xét gì về vị trí của ba điểm <math>O, M, N</math>?</p> <p>❓ Khi vẽ hai đoạn thẳng trên cùng một tia có chung một mút là gốc của tia, ta có nhận xét gì về vị trí của ba điểm?</p> <p>- GV nhận xét: Trên một tia, nếu xác định hai đoạn thẳng có chung một mút là gốc của tia, ta sẽ có một điểm nằm giữa hai điểm còn lại.</p> <p>❓ Vậy: Nếu trên tia <math>Ox</math> có <math>OM = a</math> và <math>ON = b</math> với <math>0 &lt; a &lt; b</math> thì ta kết luận điều gì về vị trí các điểm <math>O, M, N</math>?</p> <p>❓ GV ghi nhận xét và HS đọc lại phần nhận xét.</p>	<p>- HS đứng tại vị trí đọc VD.</p> <p>- HS lên bảng thực hiện.</p> <p>- <math>M</math> nằm giữa hai điểm <math>O</math> và <math>N</math></p> <p>- HS suy nghĩ...</p> <p>- HS tiếp thu ý kiến.</p> <p>- <math>M</math> nằm giữa <math>O</math> và <math>N</math>.</p> <p>- HS đọc phần nhận xét, các HS khác ghi bài.</p>	<p><b>2. <u>VẼ HAI ĐOẠN THẲNG TRÊN TIA:</u></b></p> <p>- VD: SGK/ 123.</p>  <p>* <b>Nhận xét:</b> Trên tia <math>Ox</math>, <math>OM = a</math>, <math>ON = b</math>, nếu <math>0 &lt; a &lt; b</math> thì điểm <math>M</math> nằm giữa hai điểm <math>O</math> và <math>N</math>.</p>
<b>Hoạt động 3: Củng cố (8 ph)</b>		
<p>❓ Để nhận biết một điểm nằm giữa hai điểm ta có mấy cách?</p>	<p>- Để nhận biết <math>M</math> nằm giữa <math>O</math> và <math>N</math>, ta có hai cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li><math>OM + MN = ON</math>.</li> <li>Nếu <math>O, M, N \in</math> tia <math>Ox</math> và <math>OM &lt; ON</math>.</li> </ul>	

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- Yêu cầu HS làm bài 53/ 124 SGK.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài, các HS làm bài vào vở.</p>	<p>* <b>Bài 53/ 124 SGK</b></p>  <p>Vì <math>OM &lt; ON</math> nên trên tia <math>Ox</math> điểm <math>M</math> nằm giữa <math>O</math> và <math>N</math>. Ta có: <math>OM + MN = ON</math> <math>\Rightarrow MN = ON - OM</math> Mà <math>OM = 3\text{cm}</math>; <math>ON = 6\text{cm}</math> Suy ra: <math>MN = 6 - 3</math> <math>\Rightarrow MN = 3 (\text{cm})</math> Vậy <math>OM = MN (= 3\text{cm})</math>.</p>
<p>- Yêu cầu HS làm bài 54/ 124 SGK.</p> <p>- HS thảo luận theo nhóm, làm bài vào giấy nộp lại cho GV.</p> <p>- Gọi đại diện nhóm lên bảng sửa bài. HS nhận xét nhóm bạn.</p> <p>- GV nhận xét và đánh giá.</p>	<p>- HS thảo luận theo nhóm</p>	<p>* <b>Bài 54/ 124 SGK</b></p>

### 3. Dặn dò:

- Về nhà ôn tập và thực hành vẽ đoạn thẳng biết độ dài (cả dùng thước, dùng compa)
- BTVN 55; 56; 57; 59/ 124 SGK.
- Xem trước bài “Trung điểm của đoạn thẳng”.

## §10. TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG

**I. Mục tiêu:**

- HS hiểu trung điểm của đoạn thẳng là gì?
- HS biết vẽ trung điểm của đoạn thẳng.
- HS biết nhận biết một điểm là trung điểm của đoạn thẳng.
- Giáo dục tính cẩn thận, chính xác khi đo, vẽ...

**II. Chuẩn bị:**

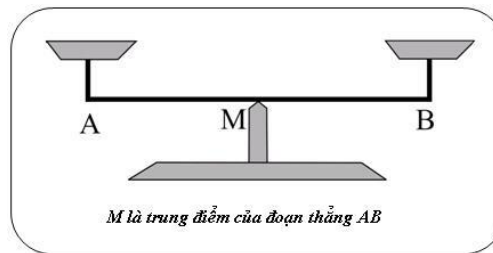
- GV: Thước thẳng, bảng phụ, compa, 1 tờ giấy, 1 sợi dây.
- HS: Thước thẳng, bảng nhóm, compa, 1 sợi dây, 1 tờ giấy.

**III. Các hoạt động dạy học:**

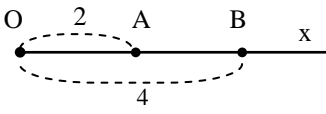
**1. Kiểm tra bài cũ: (5 ph)**

- Cho đoạn thẳng  $AB = 4$  cm; trên đoạn thẳng  $AB$  lấy điểm  $M$  sao cho  $AM = 2$  cm
  - a) Điểm  $M$  có nằm giữa hai điểm  $A$  và  $B$  không? Vì sao? So sánh  $AM$  và  $MB$ .
  - b) Nhận xét gì về điểm  $M$  đối với hai điểm  $A$  và  $B$ .

**2. Bài mới: Một điểm như thế nào được gọi là điểm trung của đoạn thẳng?**



HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 1: Trung điểm của đoạn thẳng (17 ph)</b>		
- Từ nhận xét câu b, GV giới thiệu về trung điểm của đoạn thẳng. ❓ Để $M$ là trung điểm của đoạn thẳng $AB$ thì $M$ phải thỏa mãn điều kiện gì?  - GV cho HS đọc định nghĩa trung điểm $M$ của đoạn thẳng $AB$ . - GV cho HS vẽ hình 61 và ghi trung điểm $M$ của đoạn thẳng $AB$ . Và giới thiệu cách ghi định nghĩa bằng kí hiệu.	- Thỏa mãn 2 điều kiện: <ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>M</math> nằm giữa <math>A</math> và <math>B</math>.</li> <li>• <math>M</math> cách đều <math>A</math> và <math>B</math>.</li> </ul> - HS đọc định nghĩa trung điểm của đoạn thẳng trong SGK.  - Cả lớp vẽ hình 61 và ghi định nghĩa vào vở.	<p><b>1. TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG:</b></p> <p>- Định nghĩa: SGK/ 124</p> <div style="text-align: center;"> </div> <p><math>M</math> là trung điểm của <math>AB \Leftrightarrow</math></p> $\begin{cases} MA + MB = AB \\ MA = MB \end{cases}$

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p><b>* Củng cố:</b></p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 60/ 125 SGK .</p> <p><b>?</b> Có mấy cách kiểm tra A nằm giữa O và B?</p> <p><b>?</b> Trong trường hợp này, ta dùng điều kiện nào để A nằm giữa O và B?</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p><b>?</b> Một đoạn thẳng có mấy trung điểm? Có mấy điểm nằm giữa?</p>	<p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở.</p> <p>- Có 2 cách:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• <math>OA + AB = OB</math></li> <li>• <math>A, B \in Ox</math> và <math>OA &lt; OB</math>.</li> </ul> <p>- Ta dùng cách 2.</p> <p>- Một đoạn thẳng có một và chỉ một trung điểm. Những có vô số điểm nằm giữa đoạn thẳng đó.</p>	<p><b>* Bài 60/125 SGK</b></p>  <p>a) Vì <math>OA &lt; OB</math> (<math>2\text{cm} &lt; 4\text{cm}</math>) nên trên tia <math>Ox</math> điểm A nằm giữa hai điểm O và B.</p> <p>b) Ta có: A nằm giữa A và O  <math>\Rightarrow OA + AB = OB</math>  <math>\Rightarrow AB = OB - OA</math>  Mà <math>OA = 2\text{cm}</math>; <math>OB = 4\text{cm}</math>  <math>\Rightarrow AB = 4 - 2</math>  <math>\Rightarrow AB = 2</math> (cm)  Vậy <math>OA = AB</math> (<math>= 2\text{cm}</math>).</p> <p>c) Ta có: A là trung điểm của đoạn thẳng OB.  Vi: A nằm giữa và cách đều O; B.</p>
<b>Hoạt động 2: Cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng (12 ph)</b>		
<p><b>?</b> Có mấy cách để vẽ trung điểm M của đoạn thẳng AB? Nêu rõ từng cách?</p> <p>- GV hướng dẫn cách vẽ trung điểm của đoạn thẳng AB.</p> <p><b>* Cách 1: Dùng thước có chia khoảng.</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Đo đoạn thẳng AB;</li> <li>• Tính <math>MA = MB = AB : 2</math></li> <li>• Vẽ M trên đoạn AB với độ dài MA (hoặc MB).</li> </ul> <p><b>* Cách 2: Gấp giấy</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Gấp giấy sao cho điểm B trùng với điểm A.</li> <li>• Nếp gấp cắt đoạn thẳng AB tại trung điểm M.</li> </ul> <p><b>* Cách 3: Gấp dây</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Dùng dây đo đoạn thẳng AB.</li> </ul>	<p>- HS suy nghĩ...</p> <p>- HS chú ý nghe giảng.</p>	<p><b><u>2. CÁCH VẼ TRUNG ĐIỂM CỦA ĐOẠN THẲNG:</u></b>  SGK/ 125</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<ul style="list-style-type: none"> <li>Gấp đoạn dây (= chiều dài thanh gỗ) sao cho hai đầu mút trùng nhau.</li> <li>Nếp gấp của dây xác định trung điểm M.</li> </ul>		
<b>Hoạt động 3: Củng cố (8 ph)</b>		
<p><b>?</b> M là trung điểm của đoạn thẳng AB khi nào?</p> <p>- Yêu cầu HS làm bài 63/ 126 SGK.</p>	<p>- M nằm giữa và cách đều A, B.</p> <p>- HS trả lời câu hỏi.</p>	<p><b>* Bài 63/ 126 SGK</b></p> <p>a) Sai</p> <p>b) Sai</p> <p>c) Đúng</p> <p>d) Sai.</p>

### 3. Dặn dò: (3 ph)

- Học thuộc bài.
- Hướng dẫn BTVN 61; 62; 64/126 SGK.
- Xem trước các câu hỏi và bài tập ở phần ôn tập hình học trong SGK trang 127.

# ÔN TẬP CHƯƠNG I

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức cơ bản:**

- Hệ thống hóa kiến thức về điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng, trung điểm (khái niệm – tính chất – cách nhận biết).
- 2. Kỹ năng cơ bản:**

- Rèn kỹ năng sử dụng thành thạo thước thẳng, thước có chia khoảng, compa để đo, vẽ đoạn thẳng.
- Bước đầu tập suy luận đơn giản.

**II. Chuẩn bị:**

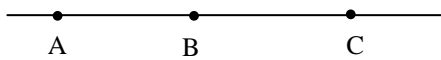
- GV: SGK, SBT, Thước thẳng, bảng phụ, compa, phấn màu, phiếu học tập (nếu có),...
- HS: SGK, SBT, Thước thẳng, bảng nhóm, compa,...

**III. Các hoạt động dạy học:**

**1. Kiểm tra bài cũ: (10 ph)**

- HS1: Cho biết khi đặt tên một đường thẳng có mấy cách, chỉ rõ từng cách, vẽ hình minh họa.
- HS2:

- Khi nào ba điểm A, B, C thẳng hàng? Vẽ hình minh họa.



- Trong ba điểm A, B, C điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Hãy viết đẳng thức tương ứng?

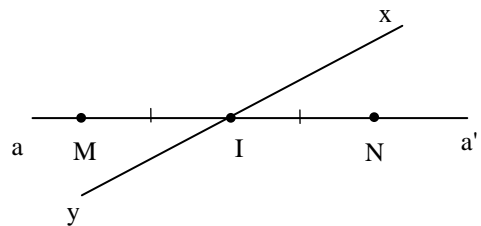
☞ Trả lời: Điểm B nằm giữa hai điểm A và C nên:  $AB + BC = AC$

- HS3: Cho hai điểm M, N

- Vẽ đường thẳng  $aa'$  đi qua hai điểm M, N
- Vẽ đường thẳng  $xy$  cắt đường thẳng  $a$  tại trung điểm I của đoạn thẳng MN.
- Trên hình có những đoạn thẳng nào? Kể một số tia trên hình, một số tia đối nhau?

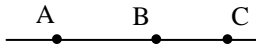
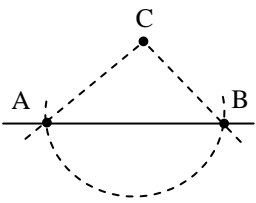
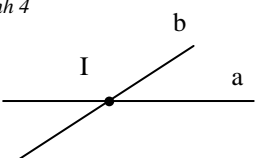
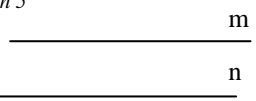
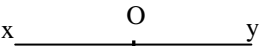
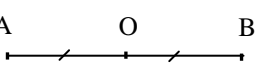
☞ Trả lời:

- + Những đoạn thẳng: MI, IN, MN.
- + Những tia: Ma, IM (hay Ia); Na', NM (hay Ia)
- + Những cặp tia đối nhau: Ia và Ia'; Ix và Iy.



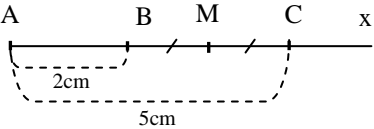
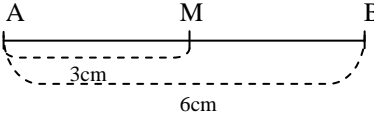
**2. Bài mới:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<b>Hoạt động 1: Đọc hình để củng cố kiến thức (5 ph)</b>		
<p>- <b>Bài 1:</b> Mỗi hình trong bảng sau đây cho biết những gì?</p> <p>Hình 1</p> <div style="display: flex; align-items: center; justify-content: space-around;"> <div style="text-align: center;">A</div> <div style="text-align: center;">•</div> </div> <div style="display: flex; align-items: center; justify-content: space-around; margin-top: 10px;"> <div style="text-align: center;">B</div> <div style="text-align: center;">— a</div> </div>	<p>- Hình 1: <math>A \notin a; B \in a</math>.</p>	<p><b>ÔN TẬP CHƯƠNG I</b></p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>Hình 2</p>  <p>Hình 3</p>  <p>Hình 4</p>  <p>Hình 5</p>  <p>Hình 6</p>  <p>Hình 7</p> 	<p>- Hình 2: Ba điểm A, B, C thẳng hàng.</p> <p>- Hình 3: Có một đường thẳng và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm A và B. Có vô số đường không thẳng đi qua hai điểm A và B.</p> <p>- Hình 4: a cắt b tại I.</p> <p>- Hình 5: m // n.</p> <p>- Hình 6: Tia Ox và Oy đối nhau.</p> <p>- Hình 7: O là trung điểm của đoạn thẳng AB.</p>	

**Hoạt động 2: Củng cố kiến thức qua việc dùng ngôn ngữ (10 ph)**

<p>- <b>Bài 2:</b> Điền vào ô trống trong các phát biểu sau để được câu đúng:</p> <p>a) Trong ba điểm thẳng hàng ..... nằm giữa hai điểm còn lại.</p> <p>b) Có một và chỉ một đường thẳng đi qua .....</p> <p>c) Mỗi điểm trên một đường thẳng là ..... của hai tia đối nhau.</p> <p>d) Nếu ..... thì <math>AM+MB = AB</math></p> <p>e) Nếu <math>MA = MB = \frac{AB}{2}</math> thì .....</p> <p>- <b>Bài 3:</b> Cho biết các khẳng định đúng hay sai?</p>	<p>- HS trả lời:</p> <p>a) <u>có một điểm và chỉ một điểm</u></p> <p>b) <u>hai điểm cho trước.</u></p> <p>c) <u>góc chung</u></p> <p>d) <u>M nằm giữa hai điểm A và B</u></p> <p>e) <u>M là trung điểm của đoạn thẳng AB.</u></p> <p>- HS trả lời:</p>	
--	--	--

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>a) Đoạn thẳng AB là hình gồm các điểm nằm giữa hai điểm A và B.</p> <p>b) Nếu M là trung điểm của AB thì M cách đều A và B.</p> <p>c) Điểm cách đều A và B là trung điểm của đoạn thẳng AB.</p> <p>d) Hai tia phân biệt là hai tia không có điểm chung.</p> <p>e) Hai đường thẳng phân biệt thì hoặc cắt nhau hoặc song song.</p>	<p>a) Sai, vì đoạn thẳng AB là hình gồm điểm A, điểm B và tất cả các điểm nằm giữa A và B.</p> <p>b) Đúng.</p> <p>c) Sai, vì trung điểm của đoạn thẳng AB là điểm nằm giữa hai điểm A, B và cách đều A, B.</p> <p>d) Sai, vì hai tia không trùng nhau là hai tia phân biệt.</p> <p>e) Đúng.</p>	
<b>Hoạt động 3: Làm bài (17 ph)</b>		
<p>- <b>Bài 4:</b> Trên tia Ax lấy hai điểm B, C sao cho <math>AB = 2\text{cm}</math>, <math>AC = 5\text{cm}</math>.</p> <p>a) Trong 3 điểm A, B, C điểm nào nằm giữa 2 điểm còn lại? Vì sao?</p> <p>b) Tính độ dài đoạn thẳng BC?</p> <p>c) Gọi M là trung điểm của đoạn thẳng BC. Tính độ dài đoạn thẳng AM?</p> <p>- Cho HS làm bài 6 / 127 SGK</p>	<p>- HS lên bảng làm bài.</p> <p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở.</p>	<p>* <b>Bài 4:</b></p>  <p>a) Trên tia Ax, ta có <math>AB &lt; AC</math> (vì <math>2\text{cm} &lt; 5\text{cm}</math>) nên B nằm giữa A và C.</p> <p>b) Ta có:  <math>AB + BC = AC</math> (B nằm giữa A, C)  Mà <math>AB = 2\text{cm}</math>, <math>AC = 5\text{cm}</math>  <math>\Rightarrow 2\text{cm} + BC = 5\text{cm}</math>  <math>\Rightarrow BC = 5\text{cm} - 2\text{cm} = 3\text{cm}</math>.</p> <p>c) <math>MB = MC = \frac{BC}{2} = 1,5\text{cm}</math>  (vì M là trung điểm của BC)  Ta có: <math>AM = AB + BM</math>  Mà <math>AB = 2\text{cm}</math>, <math>BM = 1,5\text{cm}</math>  <math>\Rightarrow AM = 2\text{cm} + 1,5\text{cm} = 3,5\text{cm}</math></p> <p>* <b>Bài 6 / 127 SGK</b></p>  <p>a) Trên tia AB, ta có <math>AM &lt; AB</math> (vì <math>3\text{cm} &lt; 6\text{cm}</math>) nên M nằm giữa A và B.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
- GV nhận xét bài làm của HS.		<p>b) Do M nằm giữa A và B nên  <math>AM + MB = AB</math>  Mà <math>AM = 3\text{cm}</math>, <math>AB = 6\text{cm}</math>  <math>\Rightarrow 3\text{cm} + MB = 6\text{cm}</math>  <math>\Rightarrow MB = 6\text{cm} - 3\text{cm}</math>  <math>\Rightarrow MB = 3\text{cm}</math>  Vậy <math>AM = MB = 3\text{cm}</math>.</p> <p>c) M là trung điểm của AB vì M nằm giữa A, B và <math>MA = MB</math>.</p>

### 3. Dặn dò: (3ph)

- Học thuộc và nắm vững lí thuyết trong chương I.
- Tập vẽ hình, kí hiệu hình cho đúng.
- BTVN 56, 58 61 / 103, 104 SBT.

**KIỂM TRA 1 TIẾT****I. Mục tiêu:**

- Kiểm tra việc lĩnh hội các kiến thức đã học trong chương I của HS.
- Kiểm tra: kĩ năng vẽ hình, kĩ năng dùng kí hiệu, kĩ năng suy luận.

**II. Chuẩn bị:**

- GV: Đề kiểm tra 1 tiết, đáp án
- HS: Kiến thức chương I

**III. Nội dung đề kiểm tra:**



Bài 1: (5 điểm) Trên tia Ox lấy 2 điểm M, N sao cho  $OM = 3\text{cm}$ ,  $ON = 6\text{cm}$ .

- Trong 3 điểm O, M, N điểm nào là điểm nằm giữa 2 điểm còn lại? Vì sao?
- So sánh OM và MN?
- Điểm M có là trung điểm của đoạn thẳng ON không? Vì sao?

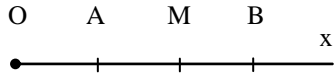

Bài 2: (5 điểm) Trên tia Ax, vẽ 2 điểm B, C sao cho:  $AB = 3\text{cm}$ ,  $AC = 7\text{cm}$ .

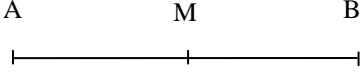
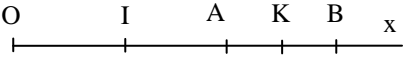
- Tính độ dài đoạn thẳng BC?
- Gọi I là trung điểm của đoạn thẳng BC. Tính độ dài đoạn thẳng AI?

Đáp án:

Bài	Nội dung	Điểm
1a	 <p>Trên tia Ox, ta có <math>OM &lt; ON</math> (vì <math>3\text{cm} &lt; 6\text{cm}</math>) nên điểm M nằm giữa 2 điểm O và N.</p>	0,5 1,5
1b	<p>Vì M nằm giữa 2 điểm O và N nên  <math>ON = OM + MN</math>  <math>\Rightarrow 6 = 3 + MN</math>  <math>\Rightarrow MN = 6 - 3 = 3\text{ cm}</math>            Suy ra: <math>OM = MN = 3\text{cm}</math>.</p>	0,5 0,5 0,5
1c	<p>Điểm M là trung điểm của đoạn thẳng ON, vì:            + M nằm giữa O, N            + <math>OM = MN = 3\text{cm}</math>.</p>	0,5 0,5 0,5
2a	 <p>Trên tia Ax ta có <math>AB &lt; AC</math> (vì <math>3\text{cm} &lt; 4\text{cm}</math>) nên B nằm giữa A và C            Vì B nằm giữa A và C do đó <math>AC = AB + BC</math>  <math>\Rightarrow 7 = 3 + BC</math>  <math>\Rightarrow BC = 7 - 3 = 4\text{cm}</math>.</p>	0,75 0,75 0,75
2b	<p>Vì I là trung điểm của BC nên <math>BI = IC = BC : 2 = 4 : 2 = 2\text{cm}</math>.  <math>AI = AB + BI = 3 + 2 = 5\text{cm}</math>.</p>	1,0 1,0



HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>- Gọi ý:  <b>?</b> Khi nào thì <math>MN = MA + AN</math>?  <b>?</b> Nêu tính chất trung điểm của một đoạn thẳng?  - GV nhận xét bài làm của HS.</p> <p>- Bài tập 2:  Trên tia Ox lấy hai điểm A, B sao cho <math>OA = 2\text{cm}</math>, <math>OB = 6\text{cm}</math>.  a) Trong ba điểm O, A, B điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?  b) Tính độ dài đoạn thẳng AB.  c) Gọi M là trung điểm của đoạn thẳng AB. Tính độ dài đoạn thẳng OM.</p> <p>- Bài tập 3:  Trên tia Ox lấy điểm A, B sao cho <math>OA = 2\text{cm}</math>, <math>OB = 3\text{cm}</math>.  a) Trong ba điểm O, A, B điểm nào là điểm nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao?  b) Tính độ dài đoạn thẳng AB.  c) Trên tia đối của tia Ox lấy điểm C sao cho <math>OC = 2\text{cm}</math>. Điểm O có là trung điểm của đoạn thẳng AC không? Vì sao?</p> <p>- GV nhận xét và sửa sai cho</p>	<p>- HS trả lời các câu hỏi gọi ý của GV.  - HS chú ý lắng nghe.</p> <p>- HS lên bảng vẽ hình và làm bài tập...</p> <p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở.</p>	<p><math>\Rightarrow MN = 4 + 6 = 10 \text{ (cm)}</math>  Vì O là trung điểm của MN nên <math>MO = ON = MN : 2</math>  <math>\Rightarrow MO = ON = 10 : 2 = 5 \text{ (cm)}</math>.  b) Trên tia MO ta có <math>MA &lt; MO</math> (vì <math>4 &lt; 5</math>) nên A nằm giữa M và O.  Do đó: <math>MO = MA + OA</math>  <math>\Rightarrow 5 = 4 + OA</math>  <math>\Rightarrow OA = 5 - 4 = 1 \text{ (cm)}</math>.</p> <p><b>- Bài tập 2:</b></p>  <p>a) Trên tia Ox ta có <math>OA &lt; OB</math> (vì <math>2 &lt; 6</math>) nên A nằm giữa O và B.  b) Vì A nằm giữa O và B nên ta có: <math>OB = OA + AB</math>  <math>\Rightarrow 6 = 2 + AB</math>  <math>\Rightarrow AB = 6 - 2 = 4 \text{ (cm)}</math>.  c) Vì M là trung điểm của AB nên <math>AM = MB = AB : 2 = 2 \text{ (cm)}</math>  Trên tia BO ta có <math>BM &lt; BO</math> (vì <math>2 &lt; 6</math>) nên M nằm giữa B và O.  Do đó: <math>BM + MO = OB</math>  <math>\Rightarrow 2 + MO = 6</math>  <math>\Rightarrow MO = 6 - 2 = 4 \text{ (cm)}</math>.</p> <p><b>- Bài tập 3:</b></p>  <p>a) Trên tia Ox ta có <math>OA &lt; OB</math> (vì <math>2 &lt; 3</math>) nên A nằm giữa O, B.  b) Vì A nằm giữa O và B nên ta có: <math>OA + AB = OB</math>  <math>\Rightarrow 2 + AB = 3</math>  <math>\Rightarrow AB = 3 - 2 = 1 \text{ (cm)}</math>.</p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<p>HS</p> <p>- Bài tập 4: Cho <math>AB = 6\text{cm}</math>. Trên tia <math>AB</math> lấy điểm <math>M</math> sao cho <math>AM = 3\text{cm}</math>.</p> <p>a) Điểm <math>M</math> có nằm giữa hai điểm <math>A</math> và <math>B</math> không? Vì sao? b) So sánh <math>AM</math> và <math>MB</math>. c) <math>M</math> có là trung điểm của <math>AB</math> không?</p> <p>- Bài tập 5: Trên tia <math>Ox</math> lấy hai điểm <math>A</math> và <math>B</math> sao cho <math>OA = 4\text{ cm}</math>, <math>OB = 6\text{ cm}</math>.</p> <p>a) Trong 3 điểm <math>O</math>, <math>A</math>, <math>B</math> thì điểm nào nằm giữa hai điểm còn lại? Vì sao? b) Tính độ dài đoạn thẳng <math>AB</math>. c) Gọi <math>I</math> là trung điểm của <math>OA</math>, <math>K</math> là trung điểm của <math>AB</math>. Tính độ dài đoạn thẳng <math>IK</math>.</p>	<p>- HS lên bảng làm bài, các HS khác làm bài vào vở.</p> <p>- HS lên bảng làm bài...</p>	<p>c) Vì <math>OA</math> và <math>OC</math> là hai tia đối nhau nên <math>O</math> nằm giữa <math>A</math> và <math>C</math>. Ta lại có: <math>CO = OA = 2\text{ (cm)}</math> Suy ra: <math>O</math> là trung điểm của <math>AC</math>.</p> <p>- <b>Bài tập 4:</b></p>  <p>a) Trên tia <math>AB</math> ta có <math>AM &lt; AB</math> (vì <math>3 &lt; 6</math>) nên <math>M</math> nằm giữa <math>A</math>, <math>B</math>. b) Vì <math>M</math> nằm giữa <math>A</math> và <math>B</math> nên ta có: <math>AM + MB = AB</math> <math>\Rightarrow 3 + MB = 6</math> <math>\Rightarrow MB = 6 - 3 = 3\text{ (cm)}</math> <math>\Rightarrow AM = MB = 3\text{ (cm)}</math>. c) Vì <math>M</math> nằm giữa <math>A</math>, <math>B</math> và <math>AM = MB = 3\text{ (cm)}</math> nên <math>M</math> là trung điểm của <math>AB</math>.</p> <p>- <b>Bài tập 5:</b></p>  <p>a) Trên tia <math>Ox</math> ta có <math>OA &lt; OB</math> (vì <math>4 &lt; 6</math>) nên <math>A</math> nằm giữa <math>O</math>, <math>B</math>. b) Vì <math>A</math> nằm giữa <math>O</math> và <math>B</math> nên ta có: <math>OA + AB = OB</math> <math>\Rightarrow 4 + AB = 6</math> <math>\Rightarrow AB = 6 - 4 = 2\text{ (cm)}</math> c) Vì <math>I</math> là trung điểm của <math>OA</math> nên <math>OI = IA = OA : 2 = 4 : 2 = 2\text{cm}</math> <math>K</math> là trung điểm của <math>AB</math> nên: <math>AK = KB = AB : 2 = 2 : 2 = 1\text{cm}</math> Vì điểm <math>I</math> và <math>K</math> nằm khác phía đối với điểm <math>A</math> nên <math>A</math> nằm giữa <math>I</math> và <math>K</math> Do đó: <math>IA + AK = IK</math> <math>\Rightarrow 2 + 1 = IK</math> <math>\Rightarrow IK = 3\text{ (cm)}</math></p>

HOẠT ĐỘNG CỦA GV	HOẠT ĐỘNG CỦA HS	GHI BẢNG
<i>Hoạt động 2: Dặn dò</i>		
<ul style="list-style-type: none"><li>- Học thuộc hệ thống câu hỏi.</li><li>- Xem lại các bài tập đã giải.</li><li>- Chuẩn bị thi học kì I.</li></ul>		